

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 68/2019/HSPT

Ngày 20 – 02 – 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Thẩm phán: 1. Ông Văn Công Dân

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2019/HSPT ngày 09/01/2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Chứa mại dâm” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M’Đắk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1968 tại huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: thôn V, xã P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: làm nông; con ông Nguyễn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1 (đã chết); bị cáo có chồng là: Nguyễn Văn L1 (đã ly hôn) và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/06/2018 đến ngày 05/07/2018. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L được bà Nguyễn Thị A (Là em của L) cho mượn căn nhà tại thôn V, xã P, huyện M để sinh sống và mở quán nhậu. Khoảng giữa tháng 06 năm 2018, L nhận J Sruk và D Sruk vào làm phục vụ tại quán của mình. L được J và D cho biết là cả hai không có nghề nghiệp ổn định, công việc chính của hai người từ trước đến nay là nhậu hoặc hát Karaoke cùng với khách là nam giới để nhận tiền “Bo” và bán sâm cho khách khi họ có nhu cầu. J và D đặt vấn đề với L, nếu khách có nhu cầu mua sâm thì J và D sẽ bán sâm cho khách tại hai phòng sau quán nhậu của L, mỗi lượt bán sâm sẽ lấy 200.000 đồng và sẽ trả cho L 50.000 đồng chi phí tiền phòng.

Khoảng 12 giờ ngày 26/06/2018, Phạm Văn H và Đỗ Thành T đến quán của L để nhậu, L gọi J và D ra phục vụ H và T, H gọi thêm Đoàn Hữu N đến nhậu cùng. H và T đặt vấn đề mua sâm với J và D. H trả 640.000 đồng cho L bao gồm tiền nhậu 240.000 đồng và tiền mua sâm 400.000 đồng. L giữ số tiền này để sau khi mua bán sâm xong, L sẽ trả cho J và D mỗi người 150.000 đồng còn L giữ lại 100.000 đồng chi phí tiền phòng. Sau khi nhận tiền xong, L chỉ cho H và T hai phòng sau để T và H mua, bán sâm với J và D. H và D vào phòng hát Karaoke còn T và J vào phòng nghỉ số 02 của quán nhậu nhà L. Khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, Công an huyện M’Đrăk kiểm tra bắt quả tang H và D; T và J đang thực hiện hành vi mua, bán sâm với nhau trong quán nhậu của L.

Tại bản án số 30/2018/HS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Chứa mại sâm”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/6/2018 đến ngày 05/7/2018.

Ngày 27/11/2018 bị cáo Nguyễn Thị L kháng cáo bản án với nội dung: Xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm cũng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và xác định: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Chứa mại sâm” theo Điều 327 của Bộ luật hình sự là có cơ sở. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xét

xử bị cáo theo khoản 1 Điều 327 BLHS là chưa đúng vì khi bị bắt, bị cáo đang chứa hai cặp mua bán dâm, tức là 04 người nên hành vi của bị cáo thuộc tình tiết định khung “Chứa mại dâm 04 người trở lên” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 327 BLHS. Do đó, đề nghị HĐXX điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm 30/2018/HS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk và kiến nghị cấp giám đốc thẩm hủy cả hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm để xét xử lại theo điểm d khoản 2 Điều 327 BLHS.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì thêm chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị L tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 26/06/2018, Nguyễn Thị L đã mượn nhà của em gái là bà Nguyễn Thị A để cho J Srưk và D Srưk bán dâm với Phạm Văn H và Đỗ Thành T. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng phải truy tố bị cáo theo khoản 2 Điều 327 BLHS với tình tiết “Chứa mại dâm 04 người trở lên” là chưa phù hợp. Bởi lẽ “mại dâm” theo từ điển Tiếng Việt là hành vi bán dâm nên tội “Chứa mại dâm” là tội chứa hành vi bán dâm. Vì vậy, điểm d khoản 2 Điều 327 BLHS quy định “Chứa mại dâm 04 người trở lên” phải hiểu là trường hợp chứa 04 người bán dâm cùng lúc trở lên. Trong khi chưa có văn bản của cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn áp dụng cụ thể trường hợp này thì cần áp dụng nguyên tắc có lợi khi xử lý đối với người bị khởi tố, xét xử về tội “Chứa mại dâm” là phù hợp.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, thì thấy: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo L 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù là phù hợp. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng đến nếp sống lành mạnh, văn minh xã hội, xâm hại đến truyền thống đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Nhưng xét thấy bị cáo có xuất thân từ thành phần

nhân dân lao động, phạm tội lần đầu, nguyên nhân phạm tội là do J và D đặt vấn đề với bị cáo, bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có người thân là người có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Mặt khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, thuộc diện khó khăn, sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Do vậy, việc giam giữ bị cáo là không cần thiết nên cần chấp nhận kháng cáo cho được hưởng án treo của bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta và cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[3] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L - Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HS-ST, ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt.

[2]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 khoản 2 Điều 65 bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01(Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Chứa mại dâm” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên

thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrăk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Công an huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã P, H. M;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Triết